

Bản án số: 12/2024/HSST  
Ngày: 15/3/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ Đ - TỈNH G L

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Việt Minh Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chín và Ông Lưu Thông.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Minh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Ngọc Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/HSST-QĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

**S**, sinh ngày: 11/7/1993 tại tỉnh G L; Nơi cư trú: Thôn Dô 1, xã Glar, huyện Đ Đ, tỉnh G L; Nghề nghiệp: Giáo viên mầm non; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Bana; Tôn giáo: Tin lành; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; CCCD số: 064193014856 do Bộ Công an cấp ngày 04/10/2022; Con ông Burr, sinh năm 1974 và con bà Son, sinh năm 1973. Từ cuối năm 2017 sinh sống như vợ chồng với Đinh Văn D, sinh năm 1984. Đến năm 2022 thì đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

\* Người bào chữa cho bị cáo S: Luật sư: Ông Ngô Đức Nam – sinh năm: 1961

Địa chỉ: Văn phòng luật sư Ngô Đức Nam - 203 Lý Thái Tổ, phường Yên Đỗ, thành phố P, tỉnh G L. Có mặt.

\* Bị hại:

Chị Trần Thị Bích T – sinh năm: 1983

Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Có mặt.

\* **Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Đinh Văn D – sinh năm: 1984

Trú tại: Tổ 2, phường Chi Lăng, thành phố Pleiku, tỉnh G L. Có mặt.

- Ông Nguyễn Công L – sinh năm: 1979

Trú tại: Thôn 3, xã An Phú, thành phố P, tỉnh G L. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**\* Người làm chứng:**

- Anh Võ Anh V – sinh năm: 1992

Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Hồ Đình T – sinh năm: 1987

Trú tại: Thôn Tân Tiến, xã Trang, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị V – sinh năm: 1971

Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Trần Thị H – sinh năm: 1993

Trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Trần Thị Kim D, sinh năm: 1980.

Trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Có mặt.

**\* Người phiên dịch:** Bà H’Hyan

Trú tại: Làng Plei Thung Dôr, xã A P, thành phố P, tỉnh G L. Có mặt.

### **NỘI D VỤ ÁN;**

Từ cuối năm 2017, S sống chung như vợ chồng với anh Đinh Văn D và có một người con chung tên Gia H. Đến tháng 5/2021, anh D có quan hệ yêu đương và thường xuyên qua lại với Trần Thị Bích T.

Khoảng tháng 02/2023, anh D đi huấn luyện tại tỉnh Đắk Lắk nên trong thời gian này chị T tự quay nhiều video khỏa thân của mình gửi cho anh D xem rồi anh D lưu các video vào điện thoại hiệu Samsung Galaxy A04S của mình.

Ngày 24/5/2023, anh D về nhà S tại thôn Dôr 1, xã Glar, huyện Đ Đ, tỉnh G L để thăm con trai Gia Hoàng và đưa điện thoại của mình cho Hoàng chơi. Khi Hoàng và Ksor Hà Bảo Trâm (sinh năm 2013- con riêng của S) xem điện thoại thì nhìn thấy các video khỏa thân trong điện thoại của D nên đã đưa cho S xem. S biết người có hình ảnh video khỏa thân trong điện thoại của D là chị T nên đã chuyển tổng cộng 07 video khỏa thân của chị T từ điện thoại của D qua điện thoại di động hiệu Vivo của S. Cùng ngày, S sử dụng tài khoản Facebook tên “*Nữ Nhân*”, đăng bài viết với nội D “*Phim hay hơn phim hành động, ai muốn xem thì nhắn số điện thoại S gửi cho xem*”. Sau khi đọc được bài viết của S trên Facebook thì Võ Anh V và Hồ Đình T nhắn tin cho S qua Messenger hỏi phim gì thì S nói nhắn số điện thoại để S kết bạn Zalo gửi cho xem nên V gửi số điện thoại của mình cho S, còn T thì S đã có Zalo từ trước. Sau khi kết bạn với V, S đã gửi các video khỏa thân của chị T qua ứng dụng Zalo cho V, và T xem. Ngoài ra, cùng ngày S còn gửi các video trên qua ứng dụng Zalo cho Nguyễn Thị V;

Nguyễn Công L là chồng của chị T (đã ly hôn)).

Sau khi nhận được video do S chuyển đến thì anh L đã chia sẻ video khoả thân của chị T cho chị Trần Thị Kim D là chị gái ruột của chị T và Nguyễn Thị Thu T là con ruột của anh L và chị T mục đích để chị D và Trang thông báo cho chị T biết sự việc và nhắc nhở chị T xử lý vụ việc dứt điểm, không để ảnh hưởng đến con cái.

Ngày 26/5/2023, chị Trần Thị H là em gái ruột của T thấy S đăng bài viết trên Facebook nên chị Hoà đã gửi số điện thoại cho S và yêu cầu S gửi các Video khoả thân của T qua Zalo cho Hoà nên S đã làm theo và nhắn tin cho chị Hoà với nội D “*Nói lại với chị T không được phá hoại hạnh phúc gia đình người khác*”.

Ngày 26/5/2023, sau khi biết tin các video khoả thân của mình bị S gửi cho nhiều người xem nên chị T đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ yêu cầu xử lý theo quy định.

Ngày 16/11/2023, chị Trần Thị Bích T có đơn từ chối giám định rối loạn tâm thần và hành vi nên không xác định được tổn thương cơ thể.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKS, ngày 12/12/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L truy tố bị cáo S về tội “Làm nhục người khác” theo điểm a, e khoản 2 Điều 155 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo S phạm tội “Làm nhục người khác” và đề nghị:

- Áp dụng: điểm a, e khoản 2 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo S từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án ngày 15/3/2024.

Ngoài ra vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

- Người bào chữa cho bị cáo S: Nhất trí với bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát công bố về tội danh, điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo S. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo đó là bị cáo là người dân tộc thiểu số trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo S với mức hình phạt dưới mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ý kiến của bị cáo S: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nhất trí với quan điểm của người bào chữa. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của bị hại: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xin cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện ở nhà chăm sóc con.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ Đ,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ nhận thức, bị cáo biết rõ việc sử dụng điện thoại di động và phần mềm trò chuyện trên mạng xã hội để phát tán những hình ảnh khỏa thân của người khác để nhằm mục đích làm cho người khác xấu hổ là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Xuất phát từ việc ghen tuông trong chuyện tình cảm, ghen tuông về mối quan hệ tình cảm giữa anh Đinh Văn D và chị Trần Thị Bích T nên vào ngày 25/5/2023, tại thôn Dôr 1, xã Glar, huyện Đ Đ, tỉnh G L, S phát hiện 07 Video khỏa thân của chị T trong điện thoại của anh D nên đã chuyển các Video trên qua điện thoại của mình rồi nhiều lần sử dụng tài khoản Zalo của mình gửi các Video trên cho nhiều người gồm: Võ Anh V, Hồ Đình T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Công L và Trần Thị Hòa để gây ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm của chị T nhằm mục đích làm cho chị T xấu hổ.

Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền L nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận hành vi của S đã phạm tội "*Làm nhục người khác*", tội phạm và hình phạt quy định tại các điểm a, e Khoản 2 Điều 155 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tuy nhiên Hội đồng xét xử xem xét: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Đã bồi thường cho bị hại số tiền 100.000.000 đồng. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Hành vi phạm tội chỉ mang tính bộc phát. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện ở nhà nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng chế định án treo bên cạnh sự giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ để bị cáo tiến bộ và thể hiện tính khoan hồng nhân đạo của nhà nước ta.

[4] Về dân sự: Sau khi hậu quả xảy ra. Bị cáo và bị hại đã thống nhất thỏa thuận bồi thường số tiền 100.000.000 đồng. Trong đó, bị cáo bồi thường trực tiếp cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng và 20.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ Đ. Tại phiên tòa, chị T không có ý kiến gì thêm về phần dân sự.

- Đối với số tiền 20.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) do bị cáo S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007502 ngày 05/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện

Đ Đ, tỉnh G L để bồi thường cho bị hại chị Trần Thị Bích T nên cần trả lại cho chị T.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo, số imeil: 864729048872575 (đã bị hư hỏng: bị nứt vỡ màn hình và vỏ điện thoại) do S giao nộp. Xét, đây công cụ bựcáo đã sử dụng vào việc thực hiện tội phạm nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 đĩa DVD chứa Video nội D khóa thân của Trần Thị Bích T (được niêm phong theo quy định) do S giao nộp. 01 đĩa DVD chứa 01 đoạn Video nội D khóa thân của Trần Thị Bích T (do S gửi cho Võ Anh V, được niêm phong theo quy định) do Võ Anh V giao nộp. 02 trang tài liệu thể hiện hình ảnh chụp nội D tin nhắn giữa tài khoản Zalo “Nữ Nhân” gửi 07 đoạn video cho chị Trần Thị Hoà do chị Hoà giao nộp và 34 trang tài liệu thể hiện ảnh chụp các bài viết, bình luận trên mạng xã hội Facebook do chị Trần Thị Bích T giao nộp lưu vào hồ sơ làm chứng cứ của vụ án.

[6] Đối với anh Nguyễn Công L có gửi Video khóa thân của chị Trần Thị Bích T cho chị Trần Thị Kim D và Nguyễn Thị Thu Trang nhưng mục đích để chị D và Trang nhắc nhở chị T xử lý vụ việc dứt điểm, không để ảnh hưởng đến con cái nên không có căn cứ xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[8] Từ những nội D mà Hội đồng xét xử đã phân tích, xem xét nêu trên nên nhận thấy những nội D mà Viện kiểm sát truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: điểm a, e khoản 2 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo S phạm tội “Làm nhục người khác”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo S 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án, ngày 15/3/2024.

Giao bị cáo S cho Ủy ban nhân xã Glar, huyện Đ Đ, tỉnh G L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã GLar, huyện Đ Đ, tỉnh G L giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Vivo, số imeil: 864729048872575 (đã bị hư hỏng: bị nứt vỡ màn hình và vỏ điện thoại).

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữ Công an huyện Đ Đ với Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ Đ, ngày 28 tháng 12 năm 2023.

- Trả cho chị Trần Thị Bích T số tiền 20.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) do bị cáo S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007502 ngày 05/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ Đ, tỉnh G L.

4. Về án phí: Buộc bị cáo S phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/3/2024) bị cáo, bị hại, người có quyền L nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh G L để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đối với người có quyền L nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh G L.
- VKSND tỉnh G L.
- VKSND huyện Đ Đ.
- CA huyện Đ Đ.
- Bị cáo.
- Bị hại, Người có QLNVLQ
- Chi cục THADS huyện Đ Đ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Bùi Viết Minh Quân**